

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 334 /NV
V/v triển khai, thực hiện Công
văn số 419/BTĐKT-P.I ngày 23
tháng 4 năm 2024 của Ban Thi
đua Khen thưởng Trung ương

Tân Bình, ngày 17 tháng 5 năm 2024

KHẨN

Kính gửi:

- Công an quận;
- Ban chỉ huy Quân sự quận;
- Chi cục Thuế quận;
- Tòa án nhân dân quận;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận;
- Chi cục Thống kê;
- Bảo hiểm xã hội quận;
- Kho Bạc nhà nước quận;
- Đội Thanh tra địa bàn;
- Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Tân Bình và Quận 3;
- Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố - Chi nhánh quận Tân Bình;
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Quận ủy;
- Văn phòng Quận ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Quận ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể;
- Trung tâm chính trị quận;
- Nhà thiếu nhi;
- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;
- Ủy ban nhân dân 15 phường;
- Các Trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở;
- Các Hội quần chúng: Hội Liên hiệp thanh niên, Hội Doanh nghiệp, Hội Luật gia, Hội Khuyến học, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu thanh niên xung phong; Hội Chữ thập đỏ; Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin; Ban liên lạc cựu tù chính trị và tù binh; Hội Người mù; Hội Cựu giáo chức; Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến; Hội Đông y;
- Giám đốc các Công ty, Hợp tác xã đóng trên địa bàn quận tham gia cụm thi đua quận.

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình nhận được Văn bản số 3270/SNV-BTĐKT ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Sở Nội vụ Thành phố về việc triển khai, thực hiện Công văn số 419/BTĐKT-P.I ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương;

Để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn quận, Phòng Nội vụ quận Tân Bình đề nghị các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận quan tâm, kịp thời triển khai các nội dung liên quan đến nghiệp vụ thi đua, khen thưởng theo Công văn trên.

(Đính kèm Công văn số 419/BTĐKT-P.I ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ (Ban TĐKT/TP);
- TTUB: CT, các PCT;
- VP.UBND: CVP;
- Lưu: VT, P.



TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
VĂN PHÒNG UBND
Số: 2989/W

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 13 tháng 05 năm 2024

PHIẾU CHUYỀN

Kính gửi: **Phòng Nội vụ.**

PHÒNG NỘI VỤ QUẬN TÂN BÌNH	
Số: 5088	ĐẾN Ngày: 13-05-2024
Chuyển: Ông P. Văn khai	

Căn cứ Văn bản số 3270/SNV-BTĐKT ngày 10/05/2024 của Sở Nội Vụ - TPHCM.

Về việc: triển khai thực hiện Công văn số 419/BTĐKT-P.I ngày 23/4/2024 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Bá Thành, Chủ tịch.

Về việc: chuyển Phòng Nội vụ triển khai.

Văn phòng Ủy ban nhân dân quận truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thường trực UBND quận như trên để các đơn vị biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐVP;
- Lưu VT.



Đoàn Văn Đủ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3270 /SNV-BTĐKT

V/v triển khai, thực hiện Công văn
số 419/BTĐKT-P.I ngày 23 tháng 4
năm 2024 của Ban Thi đua -
Khen thưởng Trung ương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2024

UBND QUẬN TÂN BÌNH	
VĂN PHÒNG UBND QUẬN TÂN BÌNH	
ĐẾN	Số: 2989/W
	Số: 05/VP
Ngày	05/05/2024
Chuyên	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội
Thành phố, cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố,
Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức,
các quận, huyện, Tổng Công ty, Công ty
thuộc Thành phố, các Cụm, Khối thi đua
thuộc Thành phố

Sở Nội vụ nhận được Công văn số 419/BTĐKT-P.I ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc trao đổi một số nội dung về nghiệp vụ thi đua, khen thưởng;

Để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Thành phố, Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc Thành phố quan tâm, kịp thời triển khai đến các tổ chức, cá nhân trực thuộc các nội dung liên quan nghiệp vụ thi đua, khen thưởng theo Công văn nêu trên.

(Đính kèm Công văn số 419/BTĐKT-P.I ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND Thành phố Võ Văn Hoan (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, Ban TĐKT, MH.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Kiều Thanh Hương

BỘ NỘI VỤ
BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 419 /BTĐKT-P.I

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2024

V/v trao đổi một số nội dung
về nghiệp vụ thi đua, khen thưởng

Kính gửi: Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương nhận được một số ý kiến của các Cụm thi đua các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị giải đáp, làm rõ một số nội dung liên quan đến nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

Căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trao đổi, giải đáp một số nội dung liên quan đến nghiệp vụ thi đua, khen thưởng được các địa phương quan tâm theo nhóm các vấn đề (có nội dung cụ thể gửi kèm theo).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban (để b/c);
- Các Phó Trưởng ban;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Ban;
- Ban (Phòng) TĐKT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, P.I.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Phạm Văn Hùng

**NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN
QUAN ĐẾN NGHIỆP VỤ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

(Kèm theo Công văn số /BTĐKT-P.I ngày tháng 4 năm 2024
của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương)

1. Về nội dung liên quan đến tiêu chuẩn tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh khi đề nghị khen thưởng đối với tập thể

Câu hỏi 1: Tiêu chuẩn "Tổ chức đảng trong sạch vững mạnh" hiểu như thế nào? Vì đánh giá xếp loại tổ chức đảng chỉ có 4 mức, cao nhất là xuất sắc, không có trong sạch, vững mạnh?

Trả lời:

Luật Thi đua, khen thưởng quy định tiêu chuẩn khen thưởng đối với tập thể phải có tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh đối với một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm: Cờ thi đua Chính phủ; Huân chương Độc lập các hạng; Huân chương Quân công các hạng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Sao vàng; Danh hiệu Anh hùng.

Để làm rõ quy định về đánh giá tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đã có văn bản xin ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương.

Tại Văn bản số 6355-CV/BTCTW ngày 02/4/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về trao đổi nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng có nêu ý kiến như sau: "Tại Điểm 19, Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng quy định về khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" thay cho việc khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" theo Điểm 19, Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng."

2. Về nội dung liên quan đến quy định đánh giá, xếp loại thực hiện nhiệm vụ đối với tập thể

Câu hỏi 2: Tại Điều 45 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP chỉ quy định việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân, tập thể trong hệ thống chính trị.

Đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn cụ thể: Đối với doanh nghiệp thì thẩm quyền công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, tập thể được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của của tập thể như sau: *"Việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định của bộ, ban, ngành, tỉnh."*. Trên cơ sở đó bộ, ban, ngành, tỉnh sẽ quy định về công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, trong đó có doanh nghiệp thuộc quyền quản lý.

Câu hỏi 3: Đối với tập thể cấp huyện (quận, thị xã, thành phố); Sở ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, ... thuộc tỉnh, thành phố không thuộc đối tượng công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" và từ trước đến hiện nay chưa hướng dẫn công nhận "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ", chưa có quy định đánh giá xếp loại nhưng theo quy định mới thì khi trình khen thưởng cấp Nhà nước phải xử lý quyết định "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng: "Bộ, ban, ngành, tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng". Vì vậy, việc quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" thuộc thẩm quyền của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng thì: *"Việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định của bộ, ban, ngành, tỉnh."*

- Theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ *"..... Trong báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm **hoặc văn bản xác nhận** hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc hoàn thành tốt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền trong thời gian tính thành tích khen thưởng của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng (đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ)..."*. Vì vậy, có thể dùng văn bản xác nhận thay quyết định công nhận "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" đối với tập thể.

3. Về nội dung liên quan đến danh hiệu thi đua và cụm, khối thi đua

Câu hỏi 4:

Cá nhân A đã được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở 3 năm liên tục 2021, 2022, 2023; năm 2023 có sáng kiến/đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ được áp dụng và có khả năng nhân rộng trong cấp tỉnh/được nghiệm thu, áp dụng hiệu quả và có phạm vi ảnh hưởng trong cấp tỉnh thì có được xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp thành phố không?

Trả lời:

Về danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp: Từ Điều 21 đến Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng đã quy định rõ điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc/Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh/Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Theo đó, nếu sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ được nghiệm thu, được cấp có thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trong từng cấp thì được xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua với cấp tương ứng.

Câu hỏi 5: Cá nhân được tuyển dụng vào cơ quan đơn vị trong thời gian mấy tháng thì được xét thi đua? Ví dụ: Ông A được tuyển dụng vào đơn vị B từ ngày 01/6/2023, đến 31/12/2023 ông A được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Vậy cuối năm 2023 ông A được xét thi đua không?

Trả lời:

Tại điểm d khoản 5 Điều 1 Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: *“Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng”*.

Theo quy định trên, cá nhân tuyển dụng trên 06 tháng thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trong trường hợp được đánh giá xếp loại và đáp ứng tiêu chuẩn quy định).

Câu hỏi 6 : Về cụm, khối thi đua

a) Thẩm quyền tổ chức cụm, khối thi đua:

Tại điểm c khoản 2 Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: *“Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tổ chức”*,

Tại khoản 1 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: *“Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ để tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu “cụm, khối thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức...”*. Đề nghị hướng dẫn cụ thể thẩm quyền tổ chức các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh. Nếu thẩm quyền tổ chức cụm, khối thi đua là Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh có được phép ủy quyền cho các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,... tổ chức các cụm, khối thi đua đối với các phòng, ban, đơn vị thuộc hoặc trực thuộc hay không.

b) Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng:

Đề nghị hướng dẫn cụ thể: Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng đối với các tập thể xếp thứ Nhì cụm, khối thi đua do Luật và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP không quy định cụ thể.

c) Số lượng đề nghị khen thưởng:

Đề nghị hướng dẫn cụ thể: Số lượng đề nghị tặng Cờ thi đua cho “Tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức”.

Trả lời:

Luật Thi đua, khen thưởng quy định phạm vi thi đua là bộ, ban, ngành, tỉnh và bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức cụm, khối thi đua để xét tặng danh hiệu thi đua (Cờ thi đua) theo tiêu chuẩn quy định, Luật không quy định bộ, ban, ngành, tỉnh được ủy quyền tổ chức cụm, khối thi đua.

Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã quy định rõ việc tặng cờ thi đua, Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với các tập thể tham gia cụm thi đua, khối thi đua: “*Bộ, ban, ngành, tỉnh căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và tình hình thực tiễn của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tổ chức cụm thi đua, khối thi đua cho phù hợp, khoa học, hiệu quả.*”

Câu hỏi 7: Liên quan đến tiêu chuẩn Cờ thi đua của tỉnh để làm cơ sở đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước. Hiện nay các tỉnh, thành trong cả nước tiếp tục công cuộc cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn... Theo đó, nhiều Sở, ban, ngành tỉnh hiện chỉ còn 3, 4 đơn vị cấu thành (phòng, ban, đơn vị trực thuộc). Vì vậy, việc chia cụm, khối thi đua các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh hiện nay còn phù hợp không? Đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn thêm nội dung này để các tỉnh thống nhất thực hiện (hiện nay có tỉnh chia, có tỉnh không chia khối thi đua các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh).

Trả lời:

Theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh và Cờ thi đua của Chính phủ tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc; tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức. Vì vậy, căn cứ vào điều kiện thực tế, bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức chia cụm, khối thi đua cho phù hợp, hiệu quả, tránh hình thức. Luật Thi đua, khen thưởng đã quy định tiêu chuẩn khen thưởng riêng đối với các trường hợp không thuộc đối tượng tặng Cờ thi đua (dùng hình thức Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh làm tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba theo quy định tại điểm d khoản 4 các Điều 42, 43; điểm đ khoản 4 Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng).

4. Về nội dung liên quan đến đối tượng khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng:

Câu hỏi 8:

Đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn cụ thể: Đối với hộ gia đình ở tỉnh ngoài hoặc ở nước ngoài có đóng góp lớn về đất đai, tài sản cho tỉnh đủ tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước thì tỉnh có được đề nghị khen thưởng cho hộ gia đình đó hay không.

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định: *“Đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc đột xuất thì người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc lĩnh vực thuộc Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc phạm vi toàn quốc thì đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo tiêu chuẩn quy định”*.

Câu hỏi 9: Cần thống nhất chung trong nguyên tắc khen thưởng (Điều 5, Luật): "... không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được..." như vậy thì thành tích đó đã được khen rồi thì không khen cao hơn nữa. Ví dụ: năm đó đã được tặng Giấy khen thì không được đề nghị tặng Bằng Khen của Chủ tịch UBND tỉnh và thành tích đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh rồi thì không đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; nên khen thưởng thì phải tích lũy thành tích, muốn khen cao hơn thì không khen cấp thấp để phấn đấu đạt được hình thức cao hơn.

Trả lời:

Để đảm bảo khen thưởng không tràn lan, trùng thành tích tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng quy định một trong những nguyên tắc khen thưởng là: *“....không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.”*

Trường hợp lấy Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm tiêu chuẩn đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cá nhân, tập thể thì Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ là điều kiện cần, còn điều kiện đủ thì đã có quy định cụ thể tại Điều 73 Luật Thi đua, khen thưởng (*cá nhân phải có thêm điều kiện liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; tập thể phải có thêm điều kiện liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh*).

Câu hỏi 10:

Tiêu chuẩn khen thưởng đối với Huân chương Độc lập đối với tập thể, Huân chương Lao động các hạng cho các tập thể, cá nhân (khen theo công trạng). Ví dụ: Tại điểm c khoản 1 Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng “Huân chương Lao động hạng Ba” cho cá nhân, quy định: “Đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn làm rõ thêm cụm từ: *“và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”*

cách hiểu như thế nào là đúng? Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A năm 2015 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, năm 2023 đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, vậy ông Nguyễn Văn A có cần phải đảm bảo điều kiện là từ năm 2016 đến năm 2023 phải liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hay chỉ tính 05 năm trở lên trước thời điểm đề nghị (ít nhất là năm 2019 đến năm 2023) được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên?

Trả lời:

Ông Nguyễn Văn A chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; năm 2015 ông được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và năm 2023 đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Vậy, đến thời điểm đề nghị ông Nguyễn Văn A phải liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ (2016 – 2023).

Câu hỏi 11:

Căn cứ điểm e, khoản 1, Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 về tiêu chuẩn tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân, quy định: “*Đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”*”. Như vậy, năm được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cũng là năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thì có đủ tiêu chuẩn hay không? Ví dụ: Ông Nguyễn Văn B, đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2018 (có thành tích xuất sắc từ năm 2014 đến năm 2018); năm 2019, 2020 được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, năm 2021, 2022 được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm 2023 được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Như vậy, ông Nguyễn Văn B có đủ tiêu chuẩn đề nghị tặng Huân chương Lao động hạng Ba hay không?

Trả lời:

Trường hợp Ông Nguyễn Văn B, đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2018 (có thành tích xuất sắc từ năm 2014 đến năm 2018); năm 2019, 2020 được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, năm 2021, 2022 được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm 2023 được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Như vậy, đối chiếu với điểm e, khoản 1, Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng, ông Nguyễn Văn B đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng Huân chương Lao động hạng Ba (do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chỉ đủ điều kiện xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở chứ không phải đương nhiên được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở).

Câu hỏi 12:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 73 Luật TĐKT năm 2022 về tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, quy định: “*b) Đã được tặng bằng*

khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và có liên tục từ **05 năm trở lên** đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, **trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**. Như vậy, việc xác định tiêu chuẩn “có 03 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở” là trong khoảng thời gian nào? Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A, đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh năm 2011 (tổng kết năm 2011); từ năm 2012 đến năm 2023 là 12 năm, ông Nguyễn Văn A được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ và có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” vào các năm 2013, 2014 và năm 2023. Như vậy, ông Nguyễn Văn A có thuộc đối tượng đủ tiêu chuẩn đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hay không?

Trả lời:

Tại điểm b khoản 1 Điều 73 Luật Thi đua, khen thưởng quy định về tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ như sau: “**Đã được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**”. Như vậy, việc xác định tiêu chuẩn “có 03 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở” là trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng. Cụ thể trường hợp ông Nguyễn Văn A đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh năm 2011 (khen công trạng); sau đó từ năm 2012 đến năm 2023 là 12 năm, ông Nguyễn Văn A liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” vào các năm 2013, 2014 và năm 2023 thì ông Nguyễn Văn A đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Câu hỏi 13: Đề nghị làm rõ thêm về thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng. Ví dụ: Cá nhân B đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2013, 2014. Năm 2015 được công nhận hoàn thành nhiệm vụ. Năm 2016-2023 liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ và có 3 lần đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở 2017, 2019, 2023. Cá nhân có đủ điều kiện tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ không?

Trả lời:

Các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng trong Luật Thi đua, khen thưởng đã thể hiện rõ nội dung “5 năm trở lên đến thời điểm đề nghị liên tục hoàn thành xuất sắc/hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Theo đó, cá nhân B được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (thành tích năm 2013, 2014), sau đó năm 2015 chỉ được công nhận **hoàn thành nhiệm vụ**, sau đó từ năm 2016 đến năm 2023 liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ và có 3 lần đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017, 2019, 2023 thì chưa đủ điều kiện tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Câu hỏi 14: Quy định mỗi cá nhân cần có bao nhiêu sáng kiến đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và tặng Bằng khen UBND tỉnh/thành phố trong 01 năm?

Trả lời:

- Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng quy định như sau: “Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

2. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.”

Như vậy, trong 01 năm cá nhân chỉ cần có 01 sáng kiến đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

- Điểm d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng quy định một trong các tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho cá nhân: “Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, **trong thời gian đó có 02 sáng kiến** được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;”

Câu hỏi 15: Tại điểm d, khoản 1 Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng: làm rõ nội dung tiêu chuẩn xét Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, về sáng kiến hoặc đề tài là đi cùng tiêu chuẩn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (HTXSNV) hay đi kèm theo cả HTXSNV và Chiến sĩ thi đua cơ sở? Cụ thể: Bằng khen UBND tỉnh:

- 1 là 02 Chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc 02 năm HTXSNV + 02 sáng kiến hoặc 02 đề tài.

- 2 là 02 Chiến sĩ thi đua cơ sở/02 năm HTXSNV + 02 sáng kiến hoặc 02 đề tài.

Trả lời:

Tại điểm d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng quy định một trong các tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho cá nhân: “Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;

Theo quy định trên thì:

- Trường hợp danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở xét theo tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ và có sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ được công nhận áp dụng hiệu quả hoặc có khả năng nhân rộng thì ngoài 02 sáng kiến/đề tài nghiên cứu khoa học đã được xét tặng

danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở cần có thêm 2 sáng kiến nữa mới đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh.

- Trường hợp danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở xét theo tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì phải có 02 sáng kiến/đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở/nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở mới đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh.

Câu hỏi 16: Các tập thể lớn (sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố) tham gia khối thi đua do tỉnh tổ chức không thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” do vậy tại Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh quy định số lượng tập thể được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm cho các tập thể thuộc Khối thi đua (các tập thể này được các đơn vị trong tỉnh chấm từ 90 điểm trở lên theo tiêu chí thi đua của tỉnh và được các Khối bình xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Tuy nhiên, tại điểm d, khoản 3, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Trả lời:

Tại khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh;
- c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;
- d) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.”

Do vậy, tỉnh căn cứ quy định Luật Thi đua, khen thưởng và tình hình thực tiễn ở địa phương để thực hiện cho phù hợp.

Câu hỏi 17:

Tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 01/2024/IT-BNV quy định: “Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, quyết định tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu cụm thi đua, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức, không tặng cờ thi đua của cấp mình đối với tập thể nằm trong tỷ lệ được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”. Trường hợp tập thể đã đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” thì Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, quyết định tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo quy định chung”. Đề nghị làm rõ: Chủ tịch UBND tỉnh có được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho tập thể thuộc bộ, ban, ngành trung ương quản lý khi tham gia cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức?

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng quy định danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh như sau: “Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong Bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.”

Vì vậy, việc xem xét, tặng Cờ thi đua cấp tỉnh phải do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ban, ngành quản lý đánh giá và khen thưởng thành tích theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

Câu hỏi 18: Quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 5 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 “Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;”

a) Tập thể A được công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, đạt tiêu chuẩn của danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2023 (theo quy định tại khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 28 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022); tập thể A đã được Thủ trưởng đơn vị tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” năm 2023 thì có tiếp tục được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2023 nữa không?

Trả lời:

Điều 7 Luật Thi đua, khen thưởng quy định một trong các căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua là “Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua”. Vì vậy, tập thể đủ tiêu

chuẩn xét danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” thì xét danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và tập thể đủ tiêu chuẩn xét danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” thì đề nghị xét danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

b) Cá nhân A đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” vào các năm: 2020, 2021, 2022 và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” giai đoạn 2020-2022 (theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ) thì có tiếp tục được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Bằng khen giai đoạn 2022-2023 theo tiêu chuẩn quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022: “có 02 lần liên tục được tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không?

Trả lời:

Không đảm bảo nguyên tắc của Luật Thi đua, khen thưởng là: “không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được”.

c) Cá nhân B có 02 năm (2022, 2023) được công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và có 02 sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng trong phạm vi cơ sở vào năm 2022 và năm 2023; cá nhân B đã được thủ trưởng đơn vị tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2022 (sử dụng sáng kiến được công nhận hiệu quả vào năm 2022 nêu trên để xét tặng danh hiệu thi đua). Vậy theo Hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 5007/BNV-TĐKT ngày 05 tháng 9 năm 2023, cá nhân B có tiếp tục được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Bằng khen giai đoạn 2022-2023 theo tiêu chuẩn quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022: “có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở” không?

Trả lời:

Không đảm bảo nguyên tắc của Luật Thi đua, khen thưởng là: “không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được”.

5. Về khen thưởng quá trình công hiến

Câu hỏi 19: Tất cả trường hợp Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương đã nghỉ hưu trước ngày 01/01/2024 chưa được khen thưởng công hiến, nay đối chiếu quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì đề nghị khen thưởng quá trình công hiến?

Trả lời:

Tại điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định thời gian, chức vụ xét khen thưởng như sau: “Những trường hợp đã được khen thưởng quá trình công hiến, không thực hiện điều chỉnh khen thưởng theo quy định mới về chức danh tương đương. Những trường hợp chưa được khen thưởng quá trình công hiến, đối chiếu với quy định nếu đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì đề nghị xét khen thưởng quá trình công hiến.”

Theo quy định trên, các trường hợp đã nghỉ hưu trước ngày 01/01/2024, chưa được khen thưởng quá trình cống hiến, nay đối chiếu quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, nếu thuộc đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định thì được đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến.

6. Về nội dung liên quan đến sáng kiến và thẩm quyền công nhận sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ; thẩm quyền chứng nhận hoặc xác nhận thành tích đóng góp

Câu hỏi 20: Một sáng kiến có nhiều cá nhân tham gia (05 cá nhân đồng sáng kiến) nếu được cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận tính hiệu quả và phạm vi áp dụng. Vậy những cá nhân (05 cá nhân) này có được cùng một lúc sử dụng sáng kiến này để làm tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng không?

Ví dụ:

- Năm 2023, 05 cá nhân trong một phòng B của Sở A có cùng chung một sáng kiến (đồng sáng kiến) được Giám đốc Sở quyết định công nhận tính hiệu quả và phạm vi áp dụng có hiệu quả trong phạm vi Sở (cấp cơ sở), cuối năm 2023 cả 05 cá nhân đó đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Vậy 05 cá nhân đó có đủ tiêu chuẩn xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở không?

- Năm 2022, năm 2023, 05 cá nhân trong một Sở A đều có cùng chung hai sáng kiến (đồng sáng kiến) được Giám đốc Sở quyết định công nhận tính hiệu quả và phạm vi áp dụng có hiệu quả trong phạm vi Sở (cấp cơ sở năm 2022, 2023), cuối năm 2022, năm 2023 cả 05 cá nhân này đều được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Vậy cuối năm 2023, 05 cá nhân này có đủ tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh không?

Trả lời:

Trường hợp sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng thì có thể được sử dụng sáng kiến này để làm tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Câu hỏi 21: Về thẩm quyền công nhận sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ; thẩm quyền chứng nhận hoặc xác nhận thành tích đóng góp.

Tại khoản 2 Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng quy định tiêu chuẩn để xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở *“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận”*.

Tại điểm d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng quy định tiêu chuẩn để xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh *“... trong thời gian đó phải có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và*

công nghệ đã được **thử nghiệm** và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở". Tuy nhiên tại Khoản 8 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định "...Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định". Đề nghị hướng dẫn cụ thể:

- Sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng có bắt buộc **phải công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng** (đối với sáng kiến) hoặc **công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng** (đối với đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ) để làm căn cứ nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định hay không?

- Sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh phải được **công nhận phạm vi ảnh hưởng**, vậy việc công nhận phạm vi ảnh hưởng này do Hội đồng cấp nào thực hiện.

Trả lời:

Theo quy định về hồ sơ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 33, 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng thì việc chứng nhận hoặc xác nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ là bắt buộc và do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học (theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP) tham mưu cho cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng quyết định công nhận.

Câu hỏi 22: Tại khoản Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng quy định hồ sơ đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng đối với "...thành tích có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước", phải có Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với các thành tích đó.

Đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn cụ thể: Thẩm quyền chứng nhận hoặc xác nhận đối với việc khen thưởng từng cấp do Cơ quan, tổ chức nào chứng nhận hoặc xác nhận.

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng quy định hồ sơ đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng đối với "...thành tích có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước", phải có Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với các thành tích đó.

Khoản 1 Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng: “Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng.”

Khoản 2 Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương, Giám đốc đại học quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công nhận thành tích, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước.”

Khoản 5 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương, Giám đốc đại học quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm đánh giá thành tích, xác nhận thành tích, thủ tục và nội dung hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

Theo các quy định trên, thẩm quyền chứng nhận thành tích đóng góp tương ứng với từng cấp khen thưởng.

7. Về thời gian trình khen thưởng

Câu hỏi 23: Về thời gian trình khen thưởng cấp Nhà nước:

Theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, Chính phủ chỉ quy định thời gian bộ, ngành, tỉnh trình hồ sơ xét tặng Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” (tại khoản 1 Điều 32) mà không quy định thời điểm nhận hồ sơ trình khen thưởng cấp Nhà nước theo công trạng (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động các hạng ...) và thời gian xét

khen thưởng đối với tập thể, cá nhân làm công tác quản lý Nhà nước thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố. Qua tham khảo ở một số tỉnh trong khu vực, thời điểm xét khen thưởng cho riêng đối với tập thể, cá nhân làm công tác quản lý Nhà nước ngành giáo dục và đào tạo không được thực hiện thống nhất, đồng bộ, có nơi quy định trình “sau khi kết thúc năm học”, có nơi quy định trình “sau khi kết thúc năm công tác”...

Để các đơn vị, địa phương chủ động trong công tác xét khen thưởng; đồng thời để đảm bảo quyền lợi cho các tập thể, cá nhân (*nhất là tập thể, cá nhân làm công tác quản lý Nhà nước thuộc ngành giáo dục và đào tạo*), nội dung nêu trên cần phải được Bộ Nội vụ và Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương quy định, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước.

Trả lời:

Để đảm bảo nguyên tắc thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, khen thưởng kịp thời; bảo đảm quyền lợi cho cá nhân, tập thể có thành tích, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP của Chính phủ chỉ quy định thời gian bộ, ban, ngành, tỉnh trình hồ sơ xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” (*tại khoản 1 Điều 32*) không quy định thời điểm nhận hồ sơ trình khen thưởng cấp Nhà nước theo công trạng (*Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động các hạng ...*).

Việc quy định thời gian bộ, ban, ngành, tỉnh trình hồ sơ xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” đã được nghiên cứu và quy định phù hợp với hoạt động của ngành giáo dục và đào tạo và hệ thống giáo dục quốc dân.

8. Nội dung liên quan đến Báo cáo thành tích; hiệp y khen thưởng; Hợp Hội đồng Thi đua-Khen thưởng; tuyển trình khen thưởng đối với doanh nghiệp

Câu hỏi 24: Báo cáo thành tích khen thưởng cấp Nhà nước hiện nay quy định: “Báo cáo thành tích liên tục từ 5 năm trở lên đến thời điểm đề nghị” đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Lao động các loại. Như vậy được hiểu là có thể báo cáo thành tích trong 6, 7, ... 10 năm trở lên tính từ thời điểm tính mốc đến thời điểm đề nghị khen thưởng hay là chỉ báo cáo thành tích 5 năm như Nghị định 91 trước đây?

Trả lời:

Nhằm đảm bảo quyền lợi cho cá nhân, tập thể có thành tích, Luật Thi đua, khen thưởng đã quy định thời điểm sau đó có 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị; ...10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị Vì vậy, trường hợp có liên tục trên 05 năm hoặc trên 10 năm đến thời điểm đề nghị thì phải thể hiện đầy đủ trong báo cáo thành tích để đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định.

Câu hỏi 25: Khoản 3, Điều 31 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định: “Khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức

trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị cùng cấp, phải lấy ý kiến của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung: Kết quả tham mưu thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với tập thể): Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với cá nhân) trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng; Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải lấy ý kiến đề khen thưởng: “Cờ thi đua của Chính phủ”, huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

- Trường hợp đề nghị Cờ thi đua chính phủ đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thì có phải lấy ý kiến Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không? Vì Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không phải tổ chức trực thuộc UBND tỉnh.

- Tương tự như thế là đề nghị Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy thì có phải lấy ý kiến các ban đảng ở Trung ương không?

Trả lời:

- Khoản 3 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: *“Trường hợp đề nghị tặng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thì trong hồ sơ phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức ở trung ương có liên quan hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”*

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: *“Việc lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước quy định tại khoản 3, Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của cấp có thẩm quyền do bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng thực hiện theo quy định từ khoản 2 đến khoản 4 Điều này.”*

Theo các quy định trên:

- Trường hợp đề nghị Cờ thi đua của Chính phủ đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thì phải lấy ý kiến của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Tương tự đề nghị Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy thì phải lấy ý kiến các Ban đảng ở Trung ương.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng: *“Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp*

có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương, Giám đốc đại học quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm đánh giá thành tích, xác nhận thành tích, thủ tục và nội dung hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.” thì việc xin ý kiến các cơ quan trung ương là cần thiết để đánh giá thành tích khen thưởng được đảm bảo chính xác.

Câu hỏi 26: Khi đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước việc lấy ý kiến nhân dân và xin ý kiến hiệp y của các Bộ ngành (cơ quan liên quan) cùng thời điểm có được không? Sau khi có đầy đủ các ý kiến nhân dân, ý kiến hiệp y các Bộ ngành rồi mới họp Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh hay họp Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh rồi mới xin ý kiến hiệp y các Bộ ngành?

Trả lời:

- Về ý kiến hiệp y khen thưởng: Tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 98/NĐ-CP quy định: *“Việc lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước quy định tại khoản 3, Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của cấp có thẩm quyền do bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng thực hiện theo quy định từ khoản 2 đến khoản 4 Điều này.”*

- Về công khai khen thưởng: Tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định về Công khai cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng như sau: *“Người có thẩm quyền đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng huân chương và danh hiệu vinh dự nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng có trách nhiệm công khai danh sách cá nhân, tập thể trên các phương tiện truyền thông thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh (Báo, Cổng thông tin điện tử, Đài phát thanh - truyền hình...) ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ban, ngành, tỉnh (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản). Việc lấy ý kiến của Nhân dân trên phương tiện thông tin truyền thông và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trước khi trình cấp trên khen thưởng và được nêu trong Biên bản xét khen thưởng của bộ, ban, ngành, tỉnh.”*

Theo các quy định trên thì việc xin ý kiến hiệp y và công khai cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng được thực hiện trước khi Hội đồng Thi đua – Khen thưởng họp xét đề Hội đồng có đủ căn cứ xem xét, đánh giá thành tích, tham mưu cấp có thẩm quyền khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

Câu hỏi 27:

Đề nghị hướng dẫn khi xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có phải họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không?

Trả lời

- Tại các Điều 34, 35, 36, 37, 41, 42, 43 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định cụ thể về thủ tục, hồ sơ trình danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự nhà nước và các hình thức khen thưởng theo quy định, trong đó có quy định rõ thành phần hồ sơ trình phải có Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

- Tại điểm d khoản 3 Điều 49 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Câu hỏi 28:

Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP đề nghị hướng dẫn rõ: chỉ trường hợp khen và đề nghị khen cho tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp không thuộc quyền quản lý của tỉnh mà không đóng chân trên địa bàn tỉnh thì mới phải lấy ý kiến của bộ ngành và ý kiến của địa phương nơi doanh nghiệp đó đóng chân hay khi khen và đề nghị khen cho tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp không thuộc quyền quản lý của tỉnh thì đều phải lấy ý kiến kiến của bộ ngành quản lý về ngành, lĩnh vực của doanh nghiệp trước khi khen và trình khen?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác hoặc tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thuộc quyền quản lý; khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác hoặc tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không thuộc quyền quản lý nhưng có thành tích đóng góp cho địa phương **ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính**, sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác đó.*”

Theo quy định trên thì trước khi khen thưởng và đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp không thuộc quyền quản lý của tỉnh thì đều phải lấy ý kiến kiến của bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực đối với doanh nghiệp.

9. Về nội dung quy định tỷ lệ xét khen thưởng và tặng danh hiệu thi đua

Câu hỏi 29:

Hiện nay Luật và Nghị định không quy định tỷ lệ xét khen thưởng và tặng danh hiệu thi đua thì UBND tỉnh có được căn cứ vào thực tiễn của địa phương để quy định tỷ lệ này không, vì mức chi tiền thưởng đối với Bằng khen cấp tỉnh đã tăng từ 1 lần mức lương cơ sở thành 1,5 lần. Việc không quy định tỷ lệ cộng

với mức chi tiền thưởng tăng sẽ cần một khoản kinh phí lớn để chi thưởng trong khi Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh có giới hạn. Đây sẽ là một khó khăn đối với các tỉnh có điều kiện kinh tế còn khó khăn.

Trả lời:

Một trong các nguyên tắc của khen thưởng được quy định trong Luật Thi đua, khen thưởng là: *“Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó”* (điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng). Do vậy không có căn cứ để quy định tỷ lệ xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (trừ Cờ thi đua Chính phủ do có tiêu chuẩn tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu).

Tại khoản 4 Điều 11 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: *“Người ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý;”*

Tại khoản 1 Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng đã quy định: *“Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng.”*

Do đó để công tác thi đua, khen thưởng được thực chất, khen thưởng đúng người, đúng việc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị phải tổ chức xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đảm bảo các nguyên tắc được quy định trong Luật Thi đua, khen thưởng, trong đó có nguyên tắc: *“Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời.”*

Câu hỏi 30:

Hiện nay, Luật, Nghị định, Thông tư về Thi đua, khen thưởng không quy định tỷ lệ % chiến sỹ thi đua cơ sở/Lao động tiên tiến. Các sở, ban, ngành, địa phương xem xét tình hình thực tế để quy định tỷ lệ % chiến sỹ thi đua cơ sở có được không?

Trả lời:

Để đảm bảo nguyên tắc khen thưởng được quy định trong Luật Thi đua, khen thưởng là *“thành tích đến đâu khen thưởng đến đó”*; Luật Thi đua, khen thưởng không quy định và không giao quy định tỷ lệ xét danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” hoặc Lao động tiên tiến.

10. Về nội dung liên quan đến Quỹ Thi đua, khen thưởng

Câu hỏi 31:

Tại khoản 2, Điều 51 Nghị định số 98/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định: *“Người ra quyết định khen thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật Thi đua, khen thưởng chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập*

thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.”

Vậy khi Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị khối Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang nhân dân, Doanh nghiệp, cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh...thì có được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng cấp tỉnh hay không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 11 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành trên cơ sở ngân sách nhà nước, từ quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác, sự đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.”

Khoản 4 Điều 11 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “Người ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý; trường hợp Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng thì cơ quan đã đề nghị khen thưởng quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 83 của Luật này có trách nhiệm chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.”

Theo các quy định trên thì Người ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

Câu hỏi 32:

- Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 75 của Luật Thi đua, khen thưởng quy định: “Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.”

- Theo điểm e, khoản 1 điều 58 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định tiền thưởng cá nhân: “Cá nhân được tặng Giấy khen quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 75 Luật thi đua, khen thưởng được kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở; (Như vậy thiếu điểm đ)

- Theo điểm c, khoản 2 điều 58 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định tiền thưởng tập thể: “Tập thể được tặng Giấy khen các cấp được tặng Bằng, khung và kèm theo tiền thưởng gấp hai lần tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm e khoản 1 Điều này (điểm e khoản 1 không quy định Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).”

Đề nghị hướng dẫn về mức tiền thưởng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã đối với tập thể (Nghị định số 98/2023/NĐ-CP chưa quy định)?

Trả lời:

Về tiền thưởng đối với Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cá nhân đã được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 58 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP: Theo điểm c, khoản 2 Điều 58 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: “Tập thể được tặng Giấy khen các cấp được tặng Bằng, khung và kèm

theo tiền thưởng gấp hai lần tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm e khoản 1 Điều này”. Theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP về nguyên tắc tính tiền thưởng: “Trong cùng một hình thức khen thưởng, cùng một mức khen thưởng, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân”. Như vậy, tiền thưởng đối với Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tập thể sẽ gấp hai lần đối với cá nhân là phù hợp.

Câu hỏi 33:

Tại Khoản 5 điều 53 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: “Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng.”. Như vậy có thể hiểu là trong cùng một thời điểm, một đối tượng được nhận nhiều danh hiệu thi đua thì nhận được mức tiền thưởng danh hiệu cao nhất được không?

Trả lời:

Tại khoản 5 Điều 53 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định: “Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng.”

Theo quy định trên thì trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng. Ví dụ trong một năm cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở (thời gian đạt được 01 năm) vừa được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh (thời gian liên tục đạt được Chiến sĩ thi đua cơ sở 03 năm) thì được nhận tiền thưởng của cả 02 danh hiệu./.